

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Ký.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tốt;

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1524/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 562/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà NTDA, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: A, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông TQT, sinh năm: 1983.

Thường trú: B, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đơn vị công tác: Ban hậu cần/Trung đoàn Gia Định – Bộ tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.

Hộ khẩu tập thể: T Tô Ký, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 05/11/2018, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà NTDA trình bày:

Bà NTDA và ông TQT tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20/10/2010. Trong quá trình sống chung, hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn xảy ra, đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà NTDA đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông TQT.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 (hai) con chung tên: Trần Ái Nhi, sinh ngày 17/8/2011 và Trần Khả Nhi, sinh ngày 02/5/2015. Bà NTDA có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con, yêu cầu ông TQT cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con số tiền mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng/01 con chung, cho đến khi con chung thành niên. Trường hợp ông TQT chỉ cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con số tiền mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng/01 con chung, bà NTDA cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Bà NTDA xác định bà và ông TQT không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn ông TQT trình bày:

Ông TQT xác định, ông và bà NTDA là vợ chồng. Nay với yêu cầu xin ly hôn của bà NTDA, ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà NTDA có 02 (hai) con chung tên: Trần Ái Nhi, sinh ngày 17/8/2011 và Trần Khả Nhi, sinh ngày 02/5/2015. Ông TQT có yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Khả Nhi và không cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Trần Ái Nhi. Nếu trong trường hợp Tòa án giao 02 (hai) con chung cho bà NTDA trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông TQT chỉ cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng/02 con chung, cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Ông TQT xác định ông và bà NTDA không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà NTDA và ông TQT.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên: Trần Ái Nhi, sinh ngày 17/8/2011 và Trần Khả Nhi, sinh ngày 02/5/2015 cho bà NTDA trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông TQT có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con số tiền mỗi tháng là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng/02 con chung (mỗi con 2.000.000 đồng/tháng).

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn, nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn công tác, làm việc tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn bà NTDA và bị đơn ông TQT vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

2. Về hôn nhân:

Bà NTDA và ông TQT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 208/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/10/2010 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hòa giải đoàn tụ được dù đã áp dụng nhiều biện pháp. Vì vậy, bà NTDA đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông TQT. Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông TQT đồng ý ly hôn với bà NTDA.

Do đó, căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà NTDA xin ly hôn với ông TQT.

3. Về con chung: Bà NTDA và ông TQT có 02 (hai) con chung tên: Trần Ái Nhi, sinh ngày 17/8/2011 và Trần Khả Nhi, sinh ngày 02/5/2015. Bà NTDA có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Ông TQT yêu cầu được nuôi cháu Trần Khả Nhi.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Cháu Trần Ái Nhi (trên 7 tuổi) đang ở với mẹ và cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Cháu Trần Khả Nhi (trên 3 tuổi) sống với mẹ từ nhỏ, hiện đang học mẫu giáo ổn định tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà NTDA ngoài công việc bán hàng online còn đồng thời kiêm nhiệm làm Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường nên cũng có thu nhập và công việc ổn định để đảm bảo cuộc sống và chăm sóc cho các con. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định nơi ăn ở, học hành, sự ổn định về tinh thần, sức khỏe của cháu Trần Khả Nhi, đồng thời cháu Nhi lại là con gái nên cần sự chăm sóc, giáo dục về giới tính của mẹ hơn, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Trần Khả Nhi cho bà NTDA nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà NTDA yêu cầu ông TQT cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền là: 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng/01 con chung cho đến

khi thành niên. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, ông TQT trình bày, nếu Hội đồng xét xử giao 02 (hai) con chung cho bà NTDA nuôi dưỡng, chăm sóc thì ông chỉ cấp dưỡng nuôi con được 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng/02 con chung (mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng). Bà NTDA đồng ý với ý kiến trên của ông TQT nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con của ông TQT là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng/02 con (mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng), cho đến khi con thành niên.

5. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí:

Bà NTDA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Ông TQT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 208; Điều 227; Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57 và 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà NTDA và ông TQT.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 208/2010, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/10/2010 không còn giá trị.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 (hai) con chung tên: Trần Ái Nhi, sinh ngày 17/8/2011 và Trần Khả Nhi, sinh ngày 02/5/2015 cho bà NTDA trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông TQT phải đóng góp nuôi con với bà NTDA số tiền là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng/02 con (mỗi con là 2.000.000 đồng), cho đến khi cháu Trần Ái Nhi, Trần Khả Nhi thành niên (đủ 18 tuổi), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì lợi ích của con chung, các bên không được quyền ngăn cản việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, được quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; các bên và cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 được quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí:

4.1. Bà NTDA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0045274 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà NTDA đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

4.2. Ông TQT phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

6. Quyền kháng cáo: Bà NTDA và ông TQT vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Ký